TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Thị Kim Thanh;

- Ông Bùi Đắc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1990; HKTT: Tổ 7, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; hiện cư trú tại: Tổ 8, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; HKTT: Ấp C, xã A, thị xã C, tỉnh An Giang; hiện cư trú tại: Tổ 8, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2011. Quá trình chung sống không hạnh phúc do thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi nhau, anh T có hành vi đánh đập chị. Do không thể tiếp tục chung sống nên nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 03/8/2011 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 10/4/2008. Nếu ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Thanh T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 03/8/2011 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 10/4/2008 cho chị Ngọc chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2011. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N, thấy rằng: Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nếu có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Chị Trần Thị N yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N do đó thể hiện anh T không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện chị N và anh T chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Ngọc và anh Tuấn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Thanh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thanh Tcó hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 03/8/2011 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 10/4/2008. Chị N yêu cầu được nuôi con chung, hai con chung có nguyện vọng được sống cùng chị N, các cháu đều là con gái nên Hội đồng xét xử xét thấy giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 03/8/2011 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 10/4/2008. Ghi nhận chị Trần Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006223 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Trần Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA,TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Hà